

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2018

Về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi
con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hảo Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Trâm;
2. Ông Đinh Khắc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Sĩ- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/ST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H. N**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số X/X, ấp h, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số X/X, ấp H, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2018, lời trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H. N trình bày:

Chị và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân là do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh P

hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm. Hiện tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Vợ chồng chung sống có 02 người con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/3/2006 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 08/11/2008, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai nợ lại vợ chồng.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 09/3/2018 bị đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống, anh thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Vì tính chất công việc nên anh thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con và anh có nghi ngờ ghen tuông chị N, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay.

Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý do còn thương vợ con.

Vợ chồng chung sống có 02 người con chung như chị N trình bày, hiện 02 cháu đang sống cùng vợ chồng anh. Nếu tòa án xử ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Duy, giao cháu Khương cho chị N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, chị N và anh P tự nguyện chung sống từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thiếu quan tâm chăm sóc vợ con và ghen tuông vô cớ nên chị N yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, anh P đồng ý ly hôn nên công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Chị N và anh P có 02 người con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/3/2006 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 08/11/2008, hiện đang sống cùng chị N. Chị N yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Các cháu có nguyện vọng sống với mẹ nên giao 02 cháu K, D cho chị N nuôi dưỡng là hợp lý. Ghi nhận anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi

nhận.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh P tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2005, hôn nhân là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2006. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N cho rằng do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh P hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Qua xác minh mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh P cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh P thừa nhận mình có ghen tuông vô cớ và do tính chất công việc nên thường xuyên vắng nhà thiếu quan tâm chăm sóc vợ con. Tại phiên tòa, anh P đồng ý ly hôn với chị N và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu và lời trình bày của chị N và anh P là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] *Về con chung*: Có Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/3/2006 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 08/11/2008, hiện đang sinh sống ổn định cùng chị N và cả 02 cháu đều có nguyện vọng sống cùng chị N, anh P đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con nên xem xét cho chị N được tiếp tục nuôi cả 02 con chung là hợp lý.

Ghi nhận anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu 2.500.000 đồng.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Chị N, anh P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Ghi nhận chị N đồng ý nộp thay án phí cho anh P.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Hoàng P. Giữa chị N và anh P không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị Huỳnh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/3/2006 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 08/11/2008. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng. Tổng cộng 5.000.000 (Năm triệu) đồng/ 02 cháu cho đến khi cháu K và cháu D đủ 18 tuổi Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26/3/2018.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng anh P còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N, anh P mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh P phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị N đồng ý nộp thay cho anh P, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019278 ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

(đã ký)

Nguyễn Hảo Phát